

NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH QUYỂN 12

THẮNG TƯỚNG THỨ TÁM

J. GIẢI THÍCH Y TUỆ HỌC SAI BIỆT TƯỚNG THÙ THẮNG

Luận nói: Như đây đã nói nương vào định học sai biệt rồi. Tại sao phải biết nương vào tuệ học sai biệt?

Giải thích: Định của Bồ-tát và định của Nhị thừa đã có sai biệt. Định làm y chỉ của tuệ. Tuệ nương định mà được thành. Tuệ của Bồ-tát và tuệ của Nhị thừa cũng phải có sai biệt, làm sao biết được? Lấy pháp gì gọi là nương vào trí tuệ? Vô phân biệt trí gọi là nương trí tuệ để học, là sai biệt của vô phân biệt trí, phải biết tức là sai biệt của nương vào tuệ. Vô phân biệt trí này có ba thứ: 1. Gia hạnh vô phân biệt trí là trí của tầm tư tức là nhân của đạo. 2. Vô phân biệt trí tức là chánh thể của đạo. 3. Vô phân biệt hậu trí tức là trí xuất quán, là quả của đạo. Ba trí này đều là thể của việc nương vào tuệ học. Trí tầm, tư làm việc nương vào tuệ học. Người Quán hành nương vào vô phân biệt trí tương lai mà tu trí phương tiện. Do cầu quả vô phân biệt trí vị lai mà phương tiện hiện đời được thành. Do có thể nương cho nên gọi là nương tuệ học. Lại nữa, trí phương tiện này có thể dẫn vô phân biệt trí trong tương lai. Vô phân biệt trí khởi, chắc chắn nương vào phương tiện này mà được thành tựu. Do sở y cho nên gọi là nương tuệ học. Chánh thể của đạo là việc nương tuệ học, là nương vào trí trong khởi đang quán, lia tán động cho nên gọi là bên trong. Trí này nương vào quán mà khởi, cho nên gọi là nương tuệ học. Lại nữa, có tự thể là nội. Nhân đã mất mà quả chưa khởi, thể của đạo thể tự tương tục, tức là nói tự thể làm nội. Nương vào tự thể mà khởi, cho nên gọi là nương tuệ học. Trí xuất quán là nương tuệ học, là nương vô phân biệt trí mà thành tựu trí này, gọi là nương tuệ học. Tại sao vậy? Khi nhập quán thì đối tượng hậu đắc trí duyên đời này. Trong ba trí này phải thành lập trí nào? Chỉ phải thành lập vô phân

biệt trí, vì nếu thành lập trí này tức là thành lập các trí khác. Nếu thành lập trí trước chỉ có làm rõ nghĩa của nhân, không hiển nghĩa của quả, thì mười chín nghĩa sai biệt của tự tánh cũng không thành. Nếu thành lập trí sau, chỉ có làm rõ nghĩa của quả, không làm rõ nghĩa của nhân, thì mười chín nghĩa sai biệt của tự tánh cũng không thành. Tại sao vậy? Vì trí này lấy trí tầm, tư làm nhân. Trí này là quả của trí tầm tư. Trí này là nhân của trí sau. Trí sau là quả của trí này. Do trí này thành lập thì trí trước và trí sau cũng được thành lập, cho nên chỉ phải thành lập trí này. Trong thành lập, trước hết phải nói tự tánh của vô phân biệt trí. Tự tánh tức là thể tướng.

Luận nói: Do y chỉ tự tánh của vô phân biệt trí, duyên khởi cảnh giới, tướng mạo, lập cứu nạn. Nhiếp trì loại bạn và quả báo đẳng lưu, lia khỏi rốt ráo mà hành gia hạnh thiện. Công đức của vô phân biệt trí và hậu đắc trí, công dụng gia hạnh sai biệt của vô phân biệt, vô phân biệt trí và hậu đắc trí, ví như nghĩa của oai đức vô công dụng tạo nên sự thậm thâm thì phải biết nương trí tuệ sai biệt. Do tuệ học có sai biệt thì phải biết Vô phân biệt trí có sai biệt.

Giải thích: Nói rằng do tự tánh của vô phân biệt trí thì phải biết nương vào trí tuệ sai biệt. Do nương vào trí tuệ có sai biệt nên phải biết vô phân biệt trí sai biệt, là nếu nói thứ tự mười chín nghĩa, thì đều phải nói như vậy. Hiện tại sơ lược lại, lấy một nghĩa do Vô phân biệt trí để nêu nghĩa thứ nhất, kế đó trình bày hết mười chín nghĩa. Sau đó tổng quát nói rằng phải biết nương vào trí tuệ học sai biệt. Do nương vào tuệ học có sai biệt thì phải biết vô phân biệt trí sai biệt, vì mười chín nghĩa thành lập Vô phân biệt trí. Trí này tức là thể của tuệ học. Tuệ học sai biệt tức là trí sai biệt này, phải khởi hiểu biết như vậy. Tự tánh của Vô phân biệt trí là thế nào?

Luận nói: Tự tánh của vô phân biệt trí, phải biết là lia năm thứ tướng.

Giải thích: Nếu lia đủ năm tướng tức là Vô phân biệt trí. Nếu không lia đủ năm tướng tức là không phải Vô phân biệt trí.

Luận nói: Năm tướng: 1. Lia phi tư duy. 2. Lia phi giác quán địa. 1. Lia diệt tướng thọ định tịch tĩnh. 4. Lia sắc tự tánh. 5. Đối với nghĩa chân thật lia dị phân biệt.

Giải thích: Trí này nếu do lia tư duy thì gọi là Vô phân biệt trí. Ngủ mê, phóng dật, say cuồng đồng lia. Tư duy phải đắc Vô phân biệt trí, hoặc vượt qua địa giác quán thì gọi là Vô phân biệt trí. Từ định thứ bảy trở lên đã vượt qua địa giác quán, phải đắc Vô phân biệt trí, hoặc

nướng vào hai nghĩa này, thì phạm phu phải đắc Vô phân biệt trí, tức là xứ có thể lìa tâm và tâm pháp, phải gọi là Vô phân biệt trí, là định diệt tướng thọ... Hoặc người trong vị này đắc Vô phân biệt trí, thì người này không thành trí. Tại sao vậy? Vì đối với các Vị diệt định không có tâm và tâm pháp. Nếu nói như sắc tự tánh thì trí tự tánh cũng vậy. Như sắc dẫn động vô tri thì trí này phải dẫn động vô tri. Nếu đối với nghĩa chân thật, do đã phân biệt hiển hiện, thì phân biệt đó phải thành Vô phân biệt trí. Tại sao vậy? Vì phân biệt này có khả năng phân biệt nghĩa chân thật tức là nghĩa chân thật này.

Luận nói: Là chỗ lìa sự hiểu biết của năm tướng, trong đây phải biết là Vô phân biệt trí.

Giải thích: Hoặc trí lìa năm tướng, duyên nghĩa chân thật mà khởi, hoặc phân biệt nghĩa chân thật không khác. Pháp chân thật này chỉ duyên nghĩa chân thật. Như nhãn thức không lấy phân biệt làm tánh nên đó là tướng biết không phân biệt trí.

Luận nói: Như điều nói trong đây, trong tánh biết không phân biệt mà nói kệ.

Giải thích: Trong việc nướng vào tuệ học này, như trước nói chỗ làm rõ tánh của Vô phân biệt trí; của mười chín nghĩa. Lại nói thêm kệ thành lập nghĩa này. Kệ này muốn làm rõ chỗ nào? Muốn làm rõ Vô phân biệt trí tối thắng, đứng đầu tất cả trong các hạnh tu.

Luận nói:

*Tự tánh của Bồ-tát,
Sự lìa của năm tướng,
Tánh vô phân biệt trí,
Nơi chân Vô phân biệt.*

Giải thích: Bồ-tát lấy Vô phân biệt trí làm thể, nên Vô phân biệt trí không khác với Bồ-tát. Tự tánh của Vô phân biệt trí tức là tự tánh của Bồ-tát. Vô phân biệt trí lìa năm tướng, tức là Bồ-tát lìa năm tướng. Vì do chân Vô phân biệt lìa năm tướng cho nên được tên Vô phân biệt. Chúng sinh là giả danh, pháp là thật có. Nếu lìa trí này, thì không có pháp khác xứng với tên của Bồ-tát. Tận vô sinh trí là Bồ-đề. Chúng sinh này lấy Bồ-đề làm thể. Bồ-đề tức là Vô phân biệt trí. Vô phân biệt trí tức là Bồ-đề. Vì muốn làm rõ Vô phân biệt trí tức là Bồ-tát, cho nên nói tự tánh của Bồ-tát lìa năm tướng, không nói Vô phân biệt trí hậu đắc làm lệ như thế. Như vậy đã nói tự tánh của Bồ-tát rồi, do y chỉ này tánh đó được sinh. Bây giờ sẽ nói y chỉ này. Trước đã nói trí này gọi là Vô phân biệt. Trí này làm y chỉ thì tâm sinh, hay không làm y chỉ thì tâm

sinh? Nếu y chỉ mà tâm sinh thì có thể tư duy cho nên gọi là tâm, vì tư duy tức là phân biệt. Trí này nếu nương phân biệt mà sinh, thì không phải là Vô phân biệt. Nếu không y chỉ mà tâm sinh, thì đồng với pháp của các sắc. Lại nữa, không gọi là trí. Muốn làm rõ lìa hai lỗi này cho nên nói kệ lần nữa.

Luận nói:

*Chư Bồ-tát y chỉ, Phi
tâm, phi phi tâm, Là
Vô phân biệt trí,
Không tư duy tất loại.*

Giải thích: Trí này không lấy tâm làm y chỉ, vì nó không thể nghĩ bàn, cũng không lấy phi tâm làm y chỉ. Do lấy tâm loại tất lợi tương tục làm y chỉ, loại tất lợi là chủng tánh của tâm, tức lấy chủng tánh này làm y chỉ. Không thể nói phi tâm làm y chỉ. Vì làm rõ nhân duyên sinh khởi trí này cho nên nói kệ lần nữa.

Luận nói:

*Nhân duyên chư Bồ-tát,
Có huân tập văn ngôn,
Là Vô phân biệt trí,
Như lý chánh tư duy.*

Giải thích: Trong bốn duyên trừ ra ba duyên, chỉ lấy nhân duyên. Nhân duyên có tướng gì? Nếu nhân và quả đồng loại thì gọi là nhân duyên. Ví như trước tâm thiện và sau tâm thiện làm nhân, nương vào chỗ nghe pháp âm của người khác, khởi nghe huân tập nhân, sau huân tập này sinh chánh tư duy. Chánh tư duy đó từ nghe chánh thuyết của người khác mà khởi cho nên gọi là có ngôn thuyết. Nhân duyên của trí này tức là lấy sự huân tập nghe và lời nói, và chánh tư duy làm thể. Do nhân duyên này, mà Vô phân biệt trí có lời nói (hữu ngôn), chưa sinh khiến cho sinh, đã sinh khiến cho kiên trụ. Nếu không có sự huân tập này thì Vô phân biệt trí không được sinh, cho nên nói đó là nhân duyên. Trí này do huân tập cái nghe mà khởi, duyên pháp nào làm cảnh?

Luận nói:

*Cảnh giới của Bồ-tát,
Không thể nói pháp tánh,
Là Vô phân biệt trí,
Chân như hai vô ngã.*

Giải thích: Kệ trước nói nhân duyên của Bồ-tát. Kệ này nói duyên duyên của Bồ-tát. Cảnh giới tức là duyên duyên. Duyên duyên

có tướng gì? Hoặc pháp duyên đời này, cũng như người gây yếu do nhờ gây mà được đi đứng. Hoặc quán pháp này mà pháp kia được sinh, thì pháp này làm duyên cho pháp kia. Như năm trần sinh năm thức. Cảnh này có hai nghĩa: 1. Y chỉ duyên duyên. 2. Tỷ độ duyên duyên. Như người nường trên tướng vô thường của tâm, so sánh độ lượng sắc... các pháp khác đều là vô thường. Không thể nói pháp tánh là duyên duyên của Bồ-tát. Tất cả pháp do tánh phân biệt nên không thể nói được. Tại sao vậy? Vì tất cả pháp do tự thể vốn không có, nhưng do tâm phân biệt nên hiển hiện. Tất cả pháp không thể nói có, cũng không thể nói không. Như vậy hiển hiện thì không phải như vậy mà có, cho nên không thể nói có. Như vậy hiển hiện không phải có, không phải không, cho nên không thể nói không. Như pháp sở duyên của thức không phải như vậy mà có, cho nên phân biệt không có thể tướng. Phân biệt đó không có thể tướng, là nên có hay là nên không có? Nếu không có thể không thì thể trở lại có. Nếu có thể không thì không thể nói không. Do nghĩa này thì pháp tánh căn cứ theo chân và tục đều không thể nói là có hay không. Pháp tánh lấy chân như của hai vô ngã làm thể. Do tánh phân biệt nường vào tánh khác vô pháp và không có nhân nên gọi là hai vô ngã. Vì lia đoạn kiến mà vô ngã này nên chẳng phải không, cho nên gọi là chân như. Chân như này là cảnh của Bồ-tát. Tại sao vậy? Vô phân biệt trí đó nếu khởi, thì chắc chắn duyên cảnh này mà khởi. Trí này thì duyên chân như không thể nói mà khởi. Sự nắm lấy cảnh trí này tướng mạo thế nào?

Luận nói:

*Tướng mạo các Bồ-tát,
Trong cảnh giới chân như,
Là Vô phân biệt trí,
Vô tướng, vô sai biệt.*

Giải thích: Trí đó luôn bình đẳng sinh trong cảnh chân như, không khác và không tướng làm tướng, tức là tướng của nó. Ví như nhãn thức nắm lấy sắc, như các tướng xanh... hiển hiện, không khác với màu xanh. Trí này cùng với cảnh chân như cũng vậy. Lại nữa, không đồng nhãn thức và sắc, vì sắc không có thể mà có sắc, nhãn thức thì không có thể mà có sắc. Trí này cùng với cảnh chân như tương xứng, không thể nói khác. Nếu tất cả pháp lấy việc không thể nói năng làm tánh, thì pháp nào là bị phân biệt?

Luận nói:

*Nghĩa tương ưng tự tánh,
Sở phân biệt phi tha.*

Giải thích: Tất cả ngôn thuyết có ba thứ tương ứng, là niệm niệm luyện tập tương tục thứ tự. Ba tướng này không lia nhau cho nên gọi là tương ứng. Lại nữa, ba pháp hoà hợp có thể làm đề mục cho nghĩa cho nên gọi là tương ứng. Tương ứng này là nghĩa tự tánh. Nghĩa này tức là bị phân biệt. Nếu lia nghĩa này thì không có nghĩa nào khác, cho nên tất cả pháp không thể nói năng. Làm sao biết lia tánh này thì không có nghĩa khác? Vì để thành lập nghĩa này cho nên nói như sau.

Luận nói:

*Vì chữ chữ tương tục,
Do nghĩa tương ứng thành.*

Giải thích: Chữ chữ tương tục tức là tương ứng thứ nhất. Do tương ứng này tức là hai tương ứng kia. Vì đủ ba tương ứng này cho nên được làm đề mục cho nghĩa. Do tương ứng mà nói nghĩa này được thành tựu. Ví như nhãn căn... trong ngôn từ tương tục thuyết, chúng sinh chấp lấy làm nghĩa cho nên gọi là tương ứng. Nghĩa này là bị phân biệt, cho nên bị phân biệt chỉ có ngôn thuyết, nghĩa cũng chỉ có ngôn thuyết. Nếu tất cả pháp không thể ngôn thuyết, thì nghĩa này làm sao thành?

Luận nói:

*Trí tuệ lia ngôn thuyết,
Không khởi nơi sở tri.*

Giải thích: Nếu Người chưa hiểu rõ thì mới có nói, vì trí tuệ không sinh đối với cảnh được nói. Nếu ông cho rằng được nói trí sinh khởi trong ngôn thuyết, thì nghĩa này không đúng. Tại sao vậy?

Luận nói:

*Nơi lời nói bất đồng,
Tất cả không thể nói.*

Giải thích: Nói năng đó không đồng những gì được nói, vì tướng mạo khác nhau. Ngôn và tướng khác nhau, chỗ nói và tướng khác nhau, cho nên tất cả nói và cái được nói cùng là không thể nói. Pháp nào là chỗ nhiếp trì của Vô phân biệt trí?

Luận nói:

*Chư Bồ-tát nhiếp trì,
Là Vô phân biệt trí,
Hậu đắc này hành trì,
Vì sinh trưởng cứu cánh.*

Giải thích: Chỗ đắc hậu Vô phân biệt trí, trí đó có thể đắc hai hạnh phước tuệ của Bồ-tát, vì là y chỉ của hai hạnh, trí này được sinh trưởng tương tục cho đến cứu cánh.

Vô phân biệt hậu trí có thể sinh trưởng chánh hạnh của Bồ-tát, Vô phân biệt hậu trí có thể nhiếp trì, là chỗ nhiếp trì của Bồ-tát. Pháp nào là loại bạn của Vô phân biệt trí?

Luận nói:

*Loại bạn của Bồ-tát,
Nói là hai thứ đạo,
Là Vô phân biệt trí,
Phẩm loại của năm độ.*

Giải thích: Loại bạn lấy tương trợ làm tương trợ. Tương trợ cùng chung nhau thành một việc cho nên gọi là tương trợ. Một việc là quả Bồ-đề. Hai thứ đạo là loại bạn của Bồ-tát, tức là đạo tư lương và đạo y chỉ. Thí... bốn Ba-la-mật tức là đạo tư lương, định Ba-la-mật là đạo y chỉ. Tại sao vậy? Vì từ chỗ sinh thiện pháp của bốn Ba-la-mật, thiện pháp này do Bát-nhã Ba-la-mật sinh Bát-nhã Ba-la-mật này y chỉ nơi định mà sinh, Bát-nhã Ba-la-mật tức là Vô phân biệt trí. Khi chưa đắc Vô thượng đề trong khoảng giữa đó thường hay sinh khởi Vô phân biệt trí, cho đến quả cuối cùng thì lìa, có năm độ hợp lại thành hai đạo. Có thể trợ cho độ thứ sáu, cùng chung thành một quả cuối cùng, gọi là loại bạn. Nếu Vô phân biệt trí nương hai đạo mà thành thì được quả báo gì?

Luận nói:

*Quả báo của Bồ-tát,
Nhị viên tụ của Phật,
Là Vô phân biệt trí,
Do gia hạnh chí đắc.*

Giải thích: Có cái chỉ có quả không có báo, có cái là quả cũng là báo. Nếu từ nhân sinh chung với dụng thì gọi là quả. Nếu từ nhân sinh riêng với dụng thì gọi là quả báo. Quả nghĩa là sinh. Báo nghĩa là thành thực. Hóa thân và Ứng thân gọi là hai khối viên mãn của Phật, vì quả báo của Vô phân biệt trí thành thực trong hai khối viên mãn của Phật. Nếu quả trong Vô phân biệt trí gia hạnh sinh khởi, thì quả này thuộc Hóa thân. Nếu quả trong Vô phân biệt trí chí đắc mà sinh, thì quả này thuộc Ứng thân. Làm sao biết được?

Luận nói: Do gia hạnh chí đắc.

Giải thích: Trước nói Vô phân biệt có ba thứ: 1. Gia hạnh. 2. Chánh thể. 3. Hậu đắc. Gia hạnh Vô phân biệt cũng tự có hai thứ: 1. Tại địa trước. 2. Tại Đẳng địa trở lên. Nếu y chỉ hai xứ gia hạnh thì chỗ đắc quả là Hóa thân. Chánh thể Vô phân biệt, từ sơ địa cho đến Phật quả đều gọi là Chí đắc. Nếu nương vào chánh thể Vô phân biệt thì chỗ

đặc quả báo là Ứng thân. Quả của quả báo như thế, quả đẳng lưu như thế nào ?

Luận nói:

*Quả đẳng lưu Bồ-tát,
Ở sau đó mà sinh,
Là Vô phân biệt trí,
Do triển chuyển tăng thắng.*

Giải thích: Quả hoặc là đẳng nhân hoặc là thắng nhân, thì quả này lấy đồng loại làm nhân, gọi đó là quả đẳng lưu. Quả đẳng lưu của Vô phân biệt trí trong hai tụ viên mãn, chuyển sơ địa thành địa thứ hai cho đến chuyển mười địa thành Phật, trong các vị sau đó thì chuyển tăng chuyển thắng. Như sơ địa làm đồng loại nhân của địa thứ hai, thì địa thứ hai là quả đẳng lưu của Sơ địa. Các địa đều như vậy, đối với lợi tha làm tăng, đối với tự lợi làm thắng. Lại nữa, ở địa vị hữu học thì tăng ở địa vị vô học vị thì làm thắng. Vô phân biệt trí xuất ly thì nghĩa được thành tựu thế nào?

Luận nói:

*Chư Bồ-tát xuất ly
Vì đắc thành tương ứng,
Là Vô phân biệt trí,
Phải biết trong mười địa.*

Giải thích: Diệt hoặc nghiệp là xuất, diệt quả báo là ly, tức là hai thứ Niết-bàn Hữu dư và Vô dư. Xuất nghĩa là ly, ly nghĩa là xuất. Tại sao nói trùng như vậy? Do ly có ba nghĩa cho nên đặt trùng tên. 1. Vĩnh viễn ly. 2. Thượng ly. 3. Quyết định ly. Vô phân biệt trí trong xuất ly cùng với hai nghĩa tương ứng: 1. Cùng với đắc tương ứng. 2. Cùng với thành tựu tương ứng. Hai tương ứng này phải biết không ngoài mười địa. Sơ địa mới đắc Vô phân biệt trí gọi là đắc tương ứng. Từ sơ địa sau đó cho đến địa thứ mười, trong vô số kiếp tu Vô phân biệt trí cho đến rốt ráo, gọi là thành tựu tương ứng. Vô phân biệt trí này dựa vào hai đạo, trong ba A-tăng-kỳ kiếp tu học, lấy pháp gì làm cứu cánh?

Luận nói:

*Chư Bồ-tát cứu cánh,
Do đắc ba thân tịnh,
Là Vô phân biệt trí,
Vì chí thắng tự tại.*

Giải thích: Cứu cánh có hai thứ: 1. Cứu cánh thanh tịnh. 2. Cứu cánh tự tại. Cứu cánh thanh tịnh là sơ địa vừa mới đắc thanh tịnh, sau

đó trong các địa chuyển chuyển thanh tịnh, cho đến địa thứ mười là cứu cánh thanh tịnh, ví như luyện kim, do thanh tịnh này mà chỗ đắc ba thân của Bồ-tát sau đó chuyển thanh tịnh. Cứu cánh tự tại, là không những đắc ba thứ thân cứu cánh thanh tịnh. Lại có cứu cánh riêng khác là mười thứ tự tại như nói sau. Mười thứ tự tại này sau đó chuyển thù thắng. Hai thứ pháp này sau cùng rất thù thắng. Chỗ đắc cứu cánh của Vô phân biệt trí gọi là quả Tăng Thượng. Công đức của Vô phân biệt trí như thế nào? Vô phân biệt có ba thứ: 1. Gia hạnh Vô phân biệt. 2. Căn bản Vô phân biệt. 3. Hậu đắc Vô phân biệt. Tại sao gia hạnh được tên Vô phân biệt? Trước hết Vô phân biệt trí từ người khác mà nghe là chân Bồ-tát. Bồ-tát từ khi chưa chứng chân lý đạo, thì chỉ khởi tâm tin ưa đối với trí này. Do y chỉ nơi tâm tin ưa này mà sau đó mới được nhập độ. Đây là lý của Vô phân biệt trí này. Vô phân biệt trí từ sự tin ưa này mà sinh khởi, nên nói tin ưa này làm gia hạnh Vô phân biệt, công đức của gia hạnh Vô phân biệt này là vô nhiễm. Ví dụ đó như thế nào?

Luận nói:

*Vô nhiễm như hư không,
Vô phân biệt trí này,
Các thứ ác nghiệp nặng,
Chỉ có tin ưa này.*

Giải thích: Vô phân biệt trí này thanh tịnh không nhiễm, ví như hư không không bị bốn trần làm nhiễm. Pháp nào không thể nhiễm được? Là các thứ ác nghiệp nặng từ thân, khẩu, ý mà sinh, có kiến đạo và tu đạo khác nhau. Có mười ác sai biệt cho nên gọi là các thứ. Phiền não cực nặng làm duyên khởi hằng tạo tác.

Nếu khởi tâm vô hối và không có đối trị, thì có loại bạn cho nên gọi là nặng. Do ác nghiệp này không thể nhiễm ô, nếu người từ nghe chánh thuyết, thì đối với Vô phân biệt trí mà sinh khởi tin ưa. Do tin ưa này mà phá hoại bốn nghiệp ác. Tại sao vậy? Vì ác nghiệp nương vào phi lý mà khởi. Sự tin ưa thì từ lý mà sinh. Nương vào phi lý mà khởi cho nên hư vọng, từ đạo lý mà sinh cho nên thật. Hư vọng không thể đối với thật có, do đó bị phá hoại. Kệ này làm rõ gia hạnh Vô phân biệt trí, có thể đối trị bốn nghiệp ác đạo, do cùng với ác nghiệp không xen tạp nhau. Đây tức là công đức của gia hạnh. Công đức của căn bản vô phân biệt trí và thanh tịnh như thế nào?

Luận nói:

*Thanh tịnh như hư không,
Vô phân biệt trí này,*

*Giải thoát tất cả chướng,
Do đắc và thành tựu.*

Giải thích: Như hư không lìa mây mờ... bốn chướng, thế gian nói đó là thanh tịnh, Vô phân biệt trí thanh tịnh cũng vậy. Lìa pháp nào mà được thanh tịnh?

Luận nói: Giải thoát tất cả chướng.

Giải thích: Tất cả chướng là ba chướng bên ngoài, bên trong và tâm, hoặc là bốn chướng của công đức thuộc ngoại đạo Nhất-xiển-đề. Thanh-văn và Độc-giác, do giải thoát chướng như vậy cho nên thanh tịnh. Giải thoát này do nhân gì được thành?

Luận nói: Do đắc và thành tựu.

Giải thích: Do cùng với các địa cho đến đức tương ứng, do nhân thành tựu trong địa thứ mười, do quả thành tựu trong cõi Phật, cho nên được giải thoát tất cả chướng. Kế này làm rõ căn bản Vô phân biệt trí, có thể đối trị tất cả chướng, trí này tức là công đức căn bản. Công đức của Vô phân biệt hậu đắc trí và vô nhiễm như thế nào?

Luận nói:

*Như hư không vô nhiễm,
Là Vô phân biệt trí,
Nếu xuất hiện nơi đời,
Thế pháp không thể nhiễm.*

Giải thích: Hư không, nước không thể thấm ướt, lửa không thể đốt cháy, gió không thể lay động, Vô phân biệt trí và vô nhiễm cũng vậy. Vô biến dị cho nên nói vô nhiễm. Tại sao vậy? Vì Bồ-tát nương vào trí này mà quán sát sự lợi ích của tất cả chúng sinh. Do sức mạnh của trí này mà Bồ-tát khởi tâm nhập ba cõi, hiện mọi thứ về đời sống quá khứ. Tuy sinh trong đời, nhưng không bị tám pháp của thế gian làm đổi khác. Tám pháp là: 1. Đắc. 2. Bất đắc. 3. Hảo danh. 4. Ổ danh. 5. Tán. 6. Huỷ. 7. Lạc. 8. Khổ. Do tám pháp này mà khởi dục sân. Dục sân không thể biến đổi. Dục sân là căn bản vô minh không thể khiến cho Bồ-tát lay động. Tại sao vậy? Vì hư vọng không thể đối với chân thật. Trí này từ Vô phân biệt trí sinh khởi cho nên gọi là Vô phân biệt. Kế này vì làm rõ hậu đắc trí có thể thoát khỏi báo chướng. Đối với sinh tử và Niết-bàn là hai xứ không trụ, chỉ vì lợi tha. Trí này tức là công đức của hậu đắc trí. Ba thứ Vô phân biệt sai biệt này như thế nào? Vì hiển hiện sai biệt này khiến cho hiểu không tràn lan, do đó lập thí dụ.

Luận nói:

Như cam cầu thọ trần,

*Như cầm đang thọ trần,
Như không cầm thọ trần,
Ba trí dụ như vậy.*

Giải thích: Ví như người cầm tìm cầu các trần mà không thể nói được trần, gia hạnh Vô phân biệt cũng vậy. Tâm tư chân như trong đạo phương tiện cũng không thể nói. Ví như người cầm đang thọ các trần, tuy đã được trần mà không thể nói được trần. Căn bản Vô phân biệt cũng như thế, đang tại chân như quán, như những gì mình chứng thấy cũng không thể nói được. Ví như người không cầm đang thọ các trần, cũng có thể nói được trần, hậu đắc trí cũng vậy. Như chỗ thấy đó có thể lập chánh giáo, vì người khác giải nói. Ban đầu chưa đắc nhưng hưởng về đắc ly phân biệt, không có thuyết nhân duyên cho nên không thể nói. Kế đó chính là đắc ly phân biệt, không có thuyết nhân duyên cho nên không thể nói. Sau cùng là đã đắc do Xuất quán, như những gì mình đã thấy trước là có khả năng nói không điên đảo. Kệ này hiển hiện ba thứ vô ngôn thuyết và ngôn thuyết khác nhau cho nên có sai biệt.

Luận nói:

*Như ngu cầu thọ trần,
Như ngu đang thọ trần,
Như chẳng ngu thọ trần,
Ba trí dụ như vậy.*

Giải thích: Chưa hiểu biết vật loại thì gọi đó là ngu. Ngu thí dụ cho thứ tự, thí dụ ba nghĩa như trước. Giải thích kệ này, hiển hiện vô phân biệt và phân biệt khác nhau cho nên có sai biệt. Vô ngôn thuyết lấy vô phân biệt làm nhân. Do vô phân biệt cho nên vô ngôn thuyết. Ngôn thuyết lấy phân biệt làm nhân. Do có phân biệt cho nên có ngôn thuyết. Ví dụ người ngu tức là làm rõ vô phân biệt. Ba thứ cảnh trí này, hư vọng và chân thật thế nào?

Luận nói:

*Như năm thức thọ trần,
Như năm thức cầu trần,
Chẳng năm thức thọ trần,
Ba trí dụ như vậy.*

Giải thích: Năm là đề mục của vô phân biệt. Nhãn... năm thức, ví dụ như người trong năm thức tìm cầu năm trần, hoặc duyên chân thật, hoặc duyên hư vọng. Ý thức và năm thức gián đoạn mà khởi. Gia hạnh vô phân biệt trí cũng như thế, hoặc chứng một phần làm chân thật, hoặc không chứng làm hư vọng.

Ví như người đang trong năm thức, đặc cảnh chân thật vô phân biệt và vô ngôn thuyết. Căn bản vô phân biệt trí cũng vậy. Đặc chân thật cảnh vô phân biệt vô ngôn thuyết, ví như người đang trong ý thức, chỉ duyên chỗ thọ trần trước kia gọi là duyên hư cảnh phân biệt và ngôn thuyết. Vô phân biệt hậu trí cũng vậy, duyên hư cảnh phân biệt và ngôn thuyết. Kệ này hiển hiện ba thứ cảnh sở duyên, có chân thật, có hư vọng cho nên có sai biệt.

Luận nói:

*Như chưa biết câu biết,
Như đọc đang thọ pháp,
Như hiểu thọ nghĩa pháp,
Thứ tự dụ ba trí.*

Giải thích: Ví như người chưa biết văn của luận, chỉ cầu biết văn tự. Gia hạnh vô phân biệt trí cũng như thế, chưa biết chân như, chỉ học phương tiện để thấy chân như, đây là làm rõ sự chưa hiểu. Ví như người đã biết văn tự, nhưng chưa hiểu rõ nghĩa của văn tự, đang đọc văn tự, chỉ có thể thọ pháp, chưa có khả năng nhận nghĩa. Căn bản của vô phân biệt trí cũng vậy, công dụng tự lợi đã thành, công dụng lợi tha thì chưa có. Đây là làm rõ đã hiểu. Ví như người đã biết văn tự, cũng đã hiểu rõ nghĩa, chính đang trong tư duy là người có đủ hai khả năng, là khả năng biết văn tự, cũng có khả năng hiểu rõ nghĩa và lấy công dụng làm cứu cánh. Vô phân biệt hậu trí cũng như thế, đã thông đạt Chân như, cũng đã xuất quán, như điều thấy ở trước, giải nói không điên đảo, đây là làm rõ sự hiểu biết đã rốt ráo. Kệ này làm rõ công dụng học có khác nhau cho nên có sai biệt. Trước đã thuyết minh ba loại thứ tự, là chưa hiểu biết, đã hiểu biết và hiểu biết rốt ráo. Một loại trước là vô cảnh, hai loại sau là cảnh, là pháp và nghĩa. Hai loại cảnh sau, tướng khác nhau thế nào?

Luận nói:

*Như người đang nhắm mắt,
Vô phân biệt cũng vậy,
Như người đang mở mắt,
Hậu đắc trí cũng vậy.*

Giải thích: Kệ này chỉ làm rõ căn bản trí và hậu đắc trí. Do y chỉ bất đồng cho nên có sai biệt. Căn bản trí thì y chỉ phi tâm và phi phi tâm. Hậu đắc trí thì y chỉ tâm. Hai trí đối với cảnh có khác nhau. Căn bản trí không nắm lấy cảnh, vì cảnh và trí không khác nhau. Hậu đắc trí thì nắm lấy cảnh, vì cảnh và trí có khác nhau. Căn bản trí không duyên

cảnh như nhắm mắt. Hậu đắc trí duyên cảnh, như mở mắt. Kệ này làm rõ sự không nắm bắt cảnh và nắm bắt cảnh có khác nhau cho nên có sai biệt. Oai đức của hai trí này sai biệt như thế nào?

Luận nói:

*Vô phân biệt như không,
Vô nhiễm ngại, dị, biên,
Như sắc hiện trong không,
Hậu đắc trí cũng vậy.*

Giải thích: Ví dụ như hư không có bốn đức: 1. Vô nhiễm. 2. Vô ngại. 3. Vô phân biệt. 4. Vô biên. Căn bản trí cũng vậy, là chỗ không thể nhiễm của tất cả thế gian tám pháp và bảy lưu... Vì trí kia đối trị cho nên nói vô nhiễm. Đối với tất cả cảnh, đều như lý như lượng, vô chướng vô trước cho nên nói vô ngại. Đối với tất cả pháp thì có một vị chân như không biến khắp, cho nên nói vô phân biệt. Là tất cả các biên, trung đạo không thể lường, cho nên nói vô biên. Ví như sắc hiển hiện trong hư không. Hư không không thể phân biệt, sắc có thể phân biệt. Hậu đắc trí cũng vậy, nhân không thể phân biệt, nhưng trí này có thể phân biệt, nên gọi trí này là năng phân biệt, cũng là sở phân biệt. Nếu Phật quả là sự sáng tỏ bởi phân biệt trí là phân biệt chúng sinh, thì làm sao lợi ích chúng sinh được? Như lý không điên đảo, để làm rõ sự tạo tác của vô công dụng, cho nên nói thêm kệ.

Luận nói:

*Ví Ma-ni, thiên cổ,
Vô tư thành tự sự,
Như vậy không phân biệt,
Chúng chúng Phật sự thành.*

Giải thích: Ví như ngọc Như ý không có phân biệt, có khả năng ứng được sự mong cầu của chúng sinh, ví như trời (Thiên Cổ) không có người đánh, có thể tùy ý muốn của chúng sinh kia, mà phát ra bốn thứ âm thanh: 1. Oán lai. 2. Oán khứ. 3. Thọ dục. 4. Sinh chán. Chư Phật cũng vậy, tuy đã lìa phân biệt, nhưng có thể khởi mọi thứ lợi ích chúng sinh, sự lợi ích có hai thứ: 1. Hóa thân lợi ích, cũng như ngọc Như ý. 2. Thuyết pháp lợi ích, cũng như đánh trống trời. Nghĩa thâm của vô phân biệt trí này như thế nào? Căn cứ theo cảnh mà lập nghĩ thâm tâm. Trí này phải duyên theo Tánh y tha của sở phân biệt mà khởi hay là phải duyên cảnh khác mà khởi? Nếu như thế thì có hại gì? Nếu lấy tánh y tha của sở phân biệt làm cảnh, thì trí này nghĩa vô phân biệt không thành. Nếu duyên cảnh khác mà khởi, thì lìa cảnh này

là không có cảnh khác, nghĩa duyên cảnh khác cũng không thành. Lại nữa, nếu duyên cảnh khác mà khởi, thì nghĩa vô sai biệt của cảnh và trí không thành.

Luận nói:

*Chẳng đây, chẳng phải đây
Chẳng trí, chẳng phải trí,
Với cảnh vô sai biệt,
Trí là vô phân biệt.*

Giải thích: Trí này không duyên Y tha tánh làm cảnh. Tại sao vậy? Vì trí này không lấy phân biệt làm cảnh, cho nên nói chẳng phải đây. Cũng không duyên cảnh khác. Tại sao vậy? Vì trí này chỉ duyên pháp Như của Y tha tánh làm cảnh. Pháp và pháp Như không thể nói là một hay khác, vì chẳng phải cảnh thanh tịnh và cảnh thanh tịnh làm tướng chung và tướng riêng, không phải không duyên thức, cho nên nói chẳng chẳng phải đây. Lại nữa, trí này là trí hay không phải trí? Nếu như thế thì có hại gì? Nếu trí làm tánh tại sao không phân biệt? Vì trí là phân biệt tánh, nếu chẳng phải trí làm tánh thì tại sao gọi là trí? Vô phân biệt không phải trí tánh, tại sao nói là vô phân biệt trí?

Luận nói: Chẳng trí, chẳng phải trí.

Giải thích: Tại sao nói chẳng phải trí? Trong gia hạnh và hậu đắc trí không sinh cho nên nói chẳng phải trí. Nếu như thế tại sao không thành hoặc của chẳng phải trí? Nghĩa này cũng không thành. Tại sao vậy? Hoặc của chẳng phải trí từ bất chánh tư duy mà sinh, có thể khởi đẳng lưu của dục, đây là từ vô phân biệt gia hạnh trí mà sinh, có thể sinh vô phân biệt hậu đắc trí, cho nên nói chẳng chẳng phải trí. Lại nữa, do trí này trong phân biệt không sinh, cho nên nói chẳng phải trí, do trí này không ở xứ khác sinh, chỉ trong phân biệt pháp Như mà sinh, cho nên nói chẳng chẳng phải trí. Câu trước của kệ này tức là câu sau.

Luận nói: Với cảnh vô sai biệt, trí là vô phân biệt.

Giải thích: Nếu trí do hai tướng năng thủ và sở thủ sinh khởi hữu phân biệt, thì như gia hạnh trí không gọi là vô phân biệt. Nếu trí cùng với sở thủ không khác, thì hoàn toàn bình đẳng mà khởi, gọi đó là vô phân biệt trí. Trong Kinh khác Phật nói: Tất cả pháp tự tánh vô phân biệt. Vì muốn làm rõ đạo lý này cho nên nói thêm kệ.

Luận nói:

*Phật thuyết tất cả pháp,
Tự tánh không phân biệt,
Sở phân biệt không có,*

Kia vô vô phân biệt.

Giải thích: Tất cả pháp tự tánh vốn không phân biệt, nghĩa này làm sao biết được? Để chứng nghĩa này cho nên lập câu thứ ba, do có thể phân biệt loại thật không có nghĩa. Đến pháp chân thật không phân biệt thì có, cho nên nói tất cả pháp tự tánh vô phân biệt. Nếu do sở phân biệt không có, thì tất cả pháp tự tánh vô phân biệt tại sao chúng sinh không được tự tánh giải thoát?

Luận nói: Kia vô vô phân biệt.

Giải thích: Do các pháp tự tánh vô phân biệt, nên trí như cảnh vô phân biệt. Nếu như thế tại sao không được tự tánh giải thoát? Nếu thật như thế thì các pháp tự tánh vô phân biệt. Trí như cảnh cũng tự tánh vô phân biệt, nhưng không được tự tánh giải thoát. Tu đắc trí thì có thể chứng pháp này. Do phi trí chướng cho nên trí không được khởi, chắc chắn phải tu trí diệt chướng mới được giải thoát. Không có nghĩa tự tánh giải thoát trong tự tánh vô phân biệt. Nếu khởi phân biệt thì đây là chẳng phải trí, tức là vô minh, là hết thấy vô phân biệt trí trong pháp tự tánh vô phân biệt. Hiện tại sẽ nói sai biệt đó.

Luận nói: Trong vô phân biệt này có ba loại: 1. Gia hạnh vô phân biệt trí. 2. Vô phân biệt trí. 3. Vô phân biệt hậu trí.

Giải thích: Trong tự tánh vô phân biệt, nếu tổng nói có ba loại này, thì ba loại này tức là hiển đạo, phương tiện đạo và chánh sự đạo cứu cánh, là nhập phương tiện, trụ phương tiện và xuất phương tiện. Nếu căn cứ theo nhân, căn cứ theo người, căn cứ theo sự, nói riêng thì có mười một thứ.

Luận nói: Gia hạnh vô phân biệt có ba thứ là nhân duyên, dẫn thông và sở tập lực, sinh khởi sai biệt.

Giải thích: Ba thứ này căn cứ theo nhân có sai biệt, gia hạnh vô phân biệt do ba lực làm thành, hoặc do nhân duyên lực, hoặc do dẫn thông lực, hoặc do sở tập lực. Vì ba lực này thành cho nên sinh khởi có sai biệt. Nếu do nhân duyên lực làm thành tức là do tánh lực làm thành. Nếu do dẫn thông lực làm thành tức là do sinh lực làm thành. Nếu do sở tập lực làm thành tức là do tác công lực hiện tại làm thành.

Luận nói: Vô phân biệt trí cũng có ba thứ là: 1. Tri tức vô phân biệt sai biệt. 2. Vô điên đảo vô phân biệt sai biệt. 3. Vô hý luận vô phân biệt sai biệt.

Giải thích: Ba thứ này căn cứ theo Người thì có sai biệt, tức là phàm phu, Nhị thừa và Bồ-tát. Tri tức vô phân biệt, phải biết là do đắc Văn tuệ và Tư tuệ rất ráo. Do tri tức cho nên vô phân biệt, do đó nói tri

túc vô phân biệt. Nếu phạm phu và Bồ-tát đạt đến cứu cánh sự của Văn tuệ và Tư tuệ, có chỗ nên đặc thì đều đã đặc, sinh tri túc tâm cho nên vô phân biệt. Lại nữa, thế gian chúng sinh có tri túc vô phân biệt. Do tri túc này, mà chúng sinh kia sinh lên hữu đảnh, trong đó cho là đã xuất ly rốt ráo, vượt khỏi đây không còn có hành xứ nào nữa, khởi tri túc tâm, không tấn tu thêm nữa cho nên vô phân biệt.

Vô điên đảo vô phân biệt là Nhị thừa, họ đã thông đạt chân cảnh, vô thường... bốn tướng vô đảo. Do vô thường... bốn tướng vô điên đảo, vĩnh viễn không phân biệt lại nữa cho nên vô phân biệt.

Vô hý luận vô phân biệt là chư Bồ-tát, họ không phân biệt tất cả pháp cho đến không phân biệt Vô thượng Bồ-đề. Vì sao? Vì Chư pháp vô ngôn thuyết. Trong vô ngôn thuyết mà cưỡng lập ngôn thuyết cho nên gọi là hý luận.

Nói năng có bốn thứ là bốn thứ chê cười: 1. Nếu nói có tức là tăng thêm chê cười. 2. Nếu nói không tức là tổn bớt chê cười. 3. Nếu nói cũng có cũng không tức là chê cười lẫn nhau. 4. Nếu nói chẳng phải có chẳng phải không tức là hý luận chê cười. Bồ-tát đặc vô phân biệt trí, không thể dùng ngôn thuyết để làm rõ, gọi đó là vô hý luận vô phân biệt. Tại sao vậy? Vì vượt qua thế gian trí, cũng không phải điều mà trí thế gian biết.

Luận nói: Vô phân biệt hậu trí có năm thứ: 1. Thông đạt làm rõ sai biệt. 2. Ưc trì làm rõ sai biệt. 3. Thành lập làm rõ sai biệt. 4. Tương tạp làm rõ sai biệt. 5. Như ý làm rõ sai biệt.

Giải thích: Năm thứ này căn cứ theo sự mà có sai biệt. Hậu đắc trí lấy Năng làm rõ làm tánh, làm rõ trong đây lấy giác liễu làm nghĩa. Do trí này sau khi thông đạt mà làm rõ các sự như vậy, nói rằng Ta ở trong quán thấy biết các sự như vậy, cho nên gọi là thông đạt hiển thị. Do trí này sau khi xuất quán, như chỗ thông đạt mà nhớ chắc không lui mất, cho nên gọi là ức trì hiển thị. Do trí này như tự chỗ thông đạt mà có thể lập chánh giáo khiến cho người khác tu hành, cho nên gọi là thành lập hiển thị. Do trí này mà Bồ-tát như trước duyên tất cả pháp làm cảnh, là tạp cảnh giới như trước, trí quán sát cảnh này. Do quán sát này tức là chuyển y cho nên gọi là tương tạp hiển thị. Do trí này mà Bồ-tát đã đặc chuyển y, như điều tư duy mong muốn của Bồ-tát, đều như ý thành tựu, là đối với các đại của địa thủy... chuyển thành kim, mộc... Cho nên gọi là như ý hiển thị.

Luận nói: Vì thành lập vô phân biệt trí, lại nói kệ riêng.

Giải thích: Đã nói nghĩa sai biệt của vô phân biệt trí, lại muốn

thành lập thêm nghĩa vô phân biệt, cho nên nói lại kệ.

Luận nói:

*Nga quý, súc sinh, nhân,
Các chư thiên như ứng,
Một cảnh tâm khác nhau,
Thừa nhận cảnh kia thành.*

Giải thích: Ví như một con sông, căn cứ theo bốn loại phân biệt của chúng sinh thì trở thành bốn cảnh. Nga quý thì cho là máu mủ, cá... súc sinh thì cho là trụ xứ, loài người thì cho là nước, chư thiên thì cho là đất. Tùy chỗ phân biệt mà mỗi mỗi đều thành một cảnh. Nếu cảnh là thật thì phải chướng ngại hại nhau, không nên cùng thời cùng xứ cùng thành bốn cảnh, phải biết đều là sự tạo tác của ý thức phân biệt. Nếu ông thừa nhận bốn thức cùng duyên, thức không lia cảnh, thì ông cũng phải thừa nhận cùng thời cùng xứ cùng có bốn cảnh. Nếu thừa nhận cùng có bốn cảnh, thì phải tin rằng tất cả phân biệt đều không thật có. Nếu không có thật cảnh thì thức phải tự sinh, không phải duyên cảnh mà khởi. Nếu như thế thì chỉ có trong thức, bốn câu vấn nạn lại thành, bốn nghĩa thì không thành. Vấn nạn này như luận kia giải thích. Có thức không có cảnh, điều này có lỗi gì? Vì làm rõ nghĩa này cho nên nói thêm kệ.

Luận nói:

*Nơi quá khứ, vị lai,
Hai hình ảnh trong mộng,
Trí duyên không có cảnh,
Vô chuyển này làm cảnh.*

Giải thích: Sự của quá khứ và vị lai chỉ có danh mà không có thể. Nếu tâm duyên hai đời này thì chỉ có thức mà không có cảnh, đối tượng trong mộng cũng vậy. Hình ảnh có hai thứ: 1. Ảnh trong gương. 2. Ảnh trong định. Chỗ khởi các tướng xanh vàng... trong định tâm, nếu lia tâm thì không có các sắc tướng này, cho nên gọi là ảnh. Nếu tâm duyên hai ảnh thì cũng chỉ có thức mà không có cảnh. Nếu không có bốn cảnh này thì thức duyên chỗ nào?

Luận nói: Vô chuyển này làm cảnh.

Giải thích: Ngoại trần xưa nay vốn không có, là thức biến dị, làm ra vì thức duyên ngoại trần này làm cảnh, cho nên nói vô chuyển làm cảnh. Nghĩa này đã lập, không đáng nghi ngờ thêm. Tại sao vậy? Nếu bác không có lý này, thì không thành nghĩa của Phật vì đã làm rõ nghĩa này. Do đó nói lại kệ.

Luận nói:

*Nếu trần thành làm cảnh,
Không vô phân biệt trí.*

Giải thích: Nếu trần có thể mà làm nghĩa của cảnh được thành thì không có vô phân biệt trí. Tại sao vậy? Vì sở phân biệt cảnh nếu thật có thì Năng phân biệt không trở thành điên đảo, mà vô phân biệt trở thành điên đảo. Nếu như thế thì tất cả phàm phu đều lìa điên đảo, tất cả Thánh nhân đều thành điên đảo, điều này có lỗi gì?

Luận nói:

*Nếu không có trí này,
Thì không có Phật quả,
Nếu phải đắc Phật quả,
Thì không có việc đó.*

Giải thích: Vô phân biệt trí là chánh đạo. Nếu nói không có trí này mà bảo phải đắc Phật quả là không có việc như vậy. Chấp này trái với A-hàm và đạo lý, cho nên phải biết các trần là không có thật thể, có thể phân biệt. Vì không có thật thể, không có thể phân biệt, phân biệt cũng không, cho nên vô phân biệt trí như lý không điên đảo. Lại nữa, có đạo lý khác, làm chứng các trần là không có thật thể, có thể phân biệt.

Luận nói:

*Bồ-tát đắc tự tại,
Do lực của nguyện lạc,
Thành tựu địa Như ý,
Người đắc định cũng vậy.*

Giải thích: Bồ-tát đối với định đã đắc tự tại nhập trụ xuất, đối với thông tuệ đã đắc tự tại sự thông đạt chế phục đối khác. Đối với các địa đã đắc mười tự tại, thì Bồ-tát trước hết phát nguyện làm sự lợi ích của chúng sinh. Đắc vô phân biệt trí sau khi xuất quán, tùy ý của Bồ-tát, muốn có làm việc gì thì tất cả đều thành. Hoặc do nguyện hiện tại, hoặc do bản nguyện, lấy nguyện làm nhân, lấy vui làm quả. Trước hết phát nguyện làm sự lợi ích chúng sinh, sau đó tùy chỗ thích muốn của tâm, đều thành, là chuyển biến địa. Nếu Bồ-tát hành nông cạn muốn làm sự lợi ích chúng sinh, thì hiện tại phát nguyện trước hết, phát nguyện xong thì liền nhập chân quán. Sau khi xuất quán thì tùy chỗ thích muốn mới được toại ý. Nếu Bồ-tát hành thâm sâu muốn làm sự lợi ích chúng sinh thì hiện tại không cần phát nguyện, và nhập quán và xuất quán, chỉ do bản nguyện lực, tùy chỗ muốn làm thì tất cả đều thành. Nếu Thanh-văn... đắc chín định tự tại, do các định tự tại này mà đắc lực thông tự tại,

trong một vật tùy lực nguyện lạc, mỗi thứ đều biến khác thành vô lượng thứ, nếu các trần thật có tự tánh thì sự này không được thành, ví như nhị không là chỗ không thể biến dị của tất cả tự tại. Tại sao vậy? Vì chân thật. Kệ này căn cứ theo ngoại cảnh để hiển hiện các trần không có tự tánh. Trong nội cảnh không có tự tánh, nghĩa này thế nào?

Luận nói:

*Thành tựu, giản trạch nhân,
Hữu trí, đắc định nhân,
Bên trong nghĩ các pháp,
Vì hiển hiện như nghĩa.*

Giải thích: Giản trạch tức là Tỳ-bà-xá-na, đắc ba căn vô lưu gọi là thành tựu. Từ Tu-đà-hoàn hưởng cho đến A-la-hán quả, gọi là người thành tựu giản trạch. Người có trí là Bồ-tát, muốn làm rõ ràng không lấy văn, tư vị làm người có trí, chỉ lấy tu vị làm người trí, cho nên nói đắc định. Thanh-văn và Bồ-tát khi bên trong suy nghĩ tất cả pháp, như vậy hai người tư duy pháp của mười hai bộ Kinh, chỗ làm rõ nghĩa như vậy như vậy, nghĩa đó đối với hai người này được hiển hiện. Nếu họ tư duy về nghĩa lý của Phật thì nghĩa lý của Phật trong mọi thứ pháp đó hiển hiện. Như nghĩa lý của Phật hiển hiện, thì sắc... năm ấm và vô thường... Mười tướng cũng hiển hiện như vậy. Kệ này căn cứ theo nội cảnh làm rõ các trần không có tự tánh. Làm sao biết ngoại cảnh và nội cảnh không có tự tánh?

Luận nói:

*Khi vô phân biệt tu,
Các nghĩa không hiển hiện,
Phải biết không có trần,
Do đây không có thức.*

Giải thích: Nếu Bồ-tát trong vô phân biệt mà khởi quán, thì tất cả nghĩa hoặc nội hoặc ngoại hoặc nội ngoại đều không hiển hiện lại, cho nên phải biết các trần thật ra đều không có. Nếu không có ngoại trần thì không có nội thức. Tại sao vậy? Vì sở thức đã không có thì năng thức làm sao có được? Nghĩa này đúng như vậy. Sở thức chẳng có cho nên năng thức cũng chẳng có. Phải biết trong tướng thù thắng đã làm rõ đủ nghĩa này. Trí này cùng với Bát-nhã Ba-la-mật là một hay là khác?

Luận nói: Vô phân biệt trí này tức là Bát-nhã Ba-la-mật, tên khác nhưng nghĩa đồng.

Giải thích: Không vì tên bất đồng mà là khác, vì nghĩa đồng mà là một, vì một cho nên nói “tức là”. Nếu tên khác với nghĩa thì như thế nào

là đồng? Như Lai lập pháp căn cứ theo nghĩa của tự tánh nhiếp các pháp làm đồng, không lấy danh nhiếp mà làm đồng. Tại sao vậy? Vì danh thì đối với các nơi không đồng, danh là giả lập, làm đề mục cho nghĩa, cho nên tùy theo phương sở mà bất đồng. Nghĩa thì có tính quyết định cho nên nghĩa thì đồng. Hạnh nương vào nghĩa mà thành, không nương vào danh mà thành. Làm sao biết nghĩa là đồng?

Luận nói: Như Kinh nói: Nếu Bồ-tát trụ Bát-nhã Ba-la-mật, do phi xứ tu hành mà có thể viên mãn chỗ tu tập Ba-la-mật.

Giải thích: Muốn thành tựu vô phân biệt trí không khác với Bát-nhã Ba-la-mật, cho nên dẫn Kinh Bát-nhã Ba-la-mật làm chứng. Bồ-tát tu Bát-nhã Ba-la-mật không thoái chuyển cho nên gọi là trụ. Lại nữa, Bồ-tát muốn tu các Ba-la-mật khác thì trước hết phải tu Bát-nhã Ba-la-mật làm phương tiện, thì các Ba-la-mật khác trụ trong Bát-nhã Ba-la-mật này mà thành tựu, cho nên nói trụ. Bồ-tát trụ trong Bát-nhã Ba-la-mật, lìa năm xứ tu hành các Ba-la-mật khác, trong mỗi mỗi Ba-la-mật trải qua bao nhiêu thời gian tu tập khiến cho được thành tựu cho nên gọi là viên mãn.

Luận nói: Thế nào là phi xứ tu hành có thể viên mãn chỗ tu tập các Ba-la-mật khác? Là lìa năm xứ: 1. Lìa ngã chấp xứ của ngoại đạo.

Giải thích: Như ngoại đạo trụ Bát-nhã kia mà khởi ngã chấp, cho rằng: Ta nay trụ Bát-nhã. Như vậy Bát-nhã liền thành ngã sở, Chư Bồ-tát trụ Bát-nhã thì không như vậy, cho nên nói lìa ngã kiến chấp xứ, vì không xứng với xứ đó.

Luận nói: 2. Lìa phân biệt xứ của Bồ-tát chưa thấy chân như.

Giải thích: Như Bồ-tát địa trước chưa thấy chân như, lấy phân biệt và vô phân biệt làm Bát-nhã Ba-la-mật cho rằng đây là Bát-nhã Ba-la-mật. Nếu Bồ-tát đã thấy chân như, thì trong Bát-nhã Ba-la-mật không có phân biệt này, cho nên nói lìa phân biệt xứ, vì không xứng với xứ đó.

Luận nói: 3. Lìa nhị biên xứ của sinh tử và Niết-bàn.

Giải thích: Như phạm phu chúng sinh thì trụ cõi sinh tử, người Thanh-văn thì trụ cõi Niết-bàn, Bồ-tát thì trụ cõi Bát-nhã Ba-la-mật, lìa hai cõi kia, cho nên nói lìa nhị biên xứ, vì không xứng với xứ đó.

Luận nói: 4. Lìa tri túc hành xứ chỉ diệt hoặc chướng.

Giải thích: Như đối với xứ diệt hoặc chướng Thanh-văn sinh tri túc, đối với các xứ khác không khởi thích muốn trở lại, là xứ diệt của trí chướng, Bồ-tát thì không như vậy, vì diệt trí chướng mà tu học Bát-nhã Ba-la-mật, cho nên nói lìa tri túc hành xứ, vì không xứng với xứ đó.

Luận nói: 5. Lìa trụ Vô dư Niết-bàn xứ không quán sự lợi ích chúng sinh.

Giải thích: Như Độc giác không quán sự lợi ích của chúng sinh mà trụ Vô dư Niết-bàn, Bồ-tát thì không như vậy, trụ Bát-nhã Ba-la-mật, không bỏ sự lợi ích của chúng sinh, Bát Niết-bàn cũng Hữu Dư cũng Vô Dư, đối với pháp thân là Vô Dư, đối với ức thân và Hóa thân là Hữu Dư, cho nên nói lìa trụ Vô dư Niết-bàn xứ, vì không xứng với xứ đó.

Vô phân biệt trí có năm thứ sai biệt, khác với sự lìa năm xứ nói trên: 1. Vô Đảo sai biệt. Đây là vô điên đảo kia thì hữu điên đảo. 2. Vô phân biệt sai biệt, đây thì vô phân biệt kia thì có phân biệt. 3. Vô trụ xứ sai biệt, đây thì vô trụ xứ kia thì hữu trụ xứ. 4. Chánh hạnh sai biệt, đây thì chánh hạnh có thể diệt hai chướng hoặc trí, kia thì chánh hạnh chỉ có thể diệt hoặc chướng. 5. Chí đắc sai biệt, đây thì đắc ba thân thường trụ làm quả, kia thì đắc vĩnh đoạn Niết-bàn làm quả.

Luận nói: Trí tuệ của Thanh-văn cùng với trí tuệ của Bồ-tát sai biệt như thế nào?

Giải thích: Đã nói vô phân biệt trí cùng với Bát-nhã Ba-la-mật là một. Hiện tại muốn làm rõ thêm vô phân biệt trí Bát-nhã Ba-la-mật cùng với Nhị thừa trí có sai biệt.

Luận nói: Phải biết do vô phân biệt sai biệt.

Giải thích: Thanh-văn thì hữu phân biệt, Bồ-tát thì vô phân biệt, phải biết do nghĩa này cho nên có sai biệt.

Luận nói: Không phân riêng các pháp môn của ấm...

Giải thích: Thanh-văn do trí tuệ nắm lấy các pháp môn của ấm... làm cảnh, có tướng phân biệt khởi Bồ-tát thì không phân riêng các pháp môn của ấm, vô phân biệt tướng khởi cho nên có sai biệt.

Luận nói: Do không phải một phần sai biệt, thông đạt Nhị Không chân như, nhập tất cả tướng sở tri, y chỉ tất cả sự lợi ích của chúng sinh.

Giải thích: Phần có hai thứ: 1. Sở tri phần. 2. Lợi ích chúng sinh phần. Trong sở tri phần lại có hai thứ: 1. Nhân không. 2. Pháp không. Trong lợi ích chúng sinh phần cũng có hai thứ: 1. Tự thân. 2. Tha thân. Thanh-văn trong sở tri phần chỉ thông đạt nhân không, chỉ đối với khổ... bốn đế mà sinh trí vô lưu. Trong lợi ích chúng sinh phần thì chỉ nương vào sự lợi ích của tự thân mà phát nguyện tu hành. Trong hai phần này, mỗi mỗi đều có một phần. Bồ-tát trong sở tri phần, thông đạt đủ cả hai hai thứ không là nhân và pháp. Đối với tất cả chỗ sinh như lý như lượng trí. Trong lợi ích chúng sinh phần thì nương vào sự lợi ích của tất cả

chúng sinh, là tự thân và tha thân mà phát nguyện tu hành. Trong hai phần mỗi mỗi đều có đủ hai phần, hai phần khác với một phần cho nên nói “không phải một phần sai biệt.

Luận nói: Do vô trụ sai biệt mà trụ vô trụ xứ Niết-bàn.

Giải thích: Thanh-văn trụ thì dính mắc Niết-bàn, như phàm phu trụ thì dính mắc sinh tử, Bồ-tát trụ thì không phải như vậy, thấy sinh tử và Niết-bàn đều là do phân biệt sanh ra. Do đồng vô tướng vô tánh cho nên không trụ hai xứ đó.

Luận nói: Do hằng sai biệt đối với Vô dư Niết-bàn không đoạn tận rốt ráo.

Giải thích: Hai người đối với Vô dư Niết-bàn có sai biệt, trí tuệ có sai biệt. Nhị thừa đối với Vô dư Niết-bàn không có Ứng thân và Hóa thân, vì không quán sát sự lợi ích của người khác, không có Ứng thân cho nên rơi vào đoạn, không có Hóa thân cho nên rơi vào tận. Bồ-tát đối với Vô dư Niết-bàn hằng khởi hai thân, không có biên tế, hướng chi là pháp thân vì tự lợi và lợi tha viên mãn! Có Ứng thân cho nên không rơi vào đoạn, có Hóa thân cho nên không rơi vào tận.

Luận nói: Do Vô thượng sai biệt, thật ra không có thừa khác hơn thừa này.

Giải thích: Thanh-văn thừa và Độc giác thừa có cái trên nó nên không bằng Đại thừa, cho nên Bồ-tát thừa là vô thượng, (không có cái gì trên nó) không có thừa nào khác thù thắng hơn Đại thừa. Thừa lấy trí làm thể, trong Đại thừa thì trí là thượng thủ. Do năm nghĩa này cho nên trí của Nhị thừa và trí của Bồ-tát có sai biệt.

Luận nói: Trong đây nói kệ.

Giải thích: Để nhiếp năm nghĩa trước và làm rõ công đức của năm nghĩa, cho nên trùng thuyết kệ.

Luận nói:

*Do trí năm thắng khác,
Nương đại bi tu phước.*

Giải thích: Trí tuệ của các Bồ-tát do năm thứ sai biệt cho nên hơn Nhị thừa, không những đối với trí tuệ tối thắng biết đủ (tri túc), lại còn nương trí tuệ tu phước đức. Phước đức tức là năm độ còn lại. Câu này làm tự lợi khác hơn (thắng dị) Nhị thừa. Lại có nghĩa khác hơn, là vì lợi tha mà nương vào đại bi tu phước tuệ. Phước tuệ tức là năm độ còn lại. Nếu người có đủ hai khả năng này thì đắc quả báo gì?

Luận nói:

Thế xuất thế giàu vui,

Quả này không phải xa.

Giải thích: Làm Chuyển luân vương ở cõi Dục trở lên năm Thiên vương Sắc giới, Phạm vương, cho đến Vô sắc giới định và chỗ riêng đặc thế gian định của Bồ-tát, gọi là thế gian giàu vui. Giải thoát của Nhị thừa và Vô thượng Bồ-đề gọi là xuất thế gian giàu vui. Như vậy quả dễ đắc như ý cho nên không phải xa. Các Bồ-tát đã đạt đến tự tại vô song, hằng hành từ bi đối với chúng sinh bản khổ của thế gian. Do ý này không Bồ-tát thí tài vật. Dụng của ý này như thế nào?

Luận nói: Nếu Bồ-tát đối với thế gian thật hữu cũng lại có thể biết.

Giải thích: Đây là làm rõ Bồ-tát có thể và có nhân. Vì có thể cho nên nói thật hữu, vì có nhân cho nên nói có thể biết.

Luận nói: Như vậy nếu Bồ-tát nương vào công đức tương ứng của giới học, định học, và tuệ học, đến mười thứ tự tại, đối với tất cả sự lợi tha thì đắc năng thắng vô song.

Giải thích: Ba thứ học nhiếp mười độ và tất cả công đức của thế gian cho nên gọi là khối tụ công đức. Nếu Bồ-tát chưa đắc hoặc đắc và đã đắc không mất, thì gọi là tương ứng, tức là nhân viên mãn, đến mười tự tại tức là quả viên mãn. Lợi ích tha sự, hoặc có hai thứ, hoặc có bốn thứ. Hai thứ thì trước là suy tư và sau là hành động. Lại có hai thứ tức là hai thứ vô úy sau. Hoặc có bốn thứ như trước đã nói. Đắc thắng năng vô đẳng như vậy tức là ân đức viên mãn. Trong ba đức này, hai đức nhân quả làm rõ tự lợi. Ân đức thì làm rõ lợi tha. Đã nói ba thứ học xong. Vì muốn làm rõ ba đức viên mãn của Bồ-tát cho nên thuyết minh nghĩa này.

Luận nói: Tại sao thấy có chúng sinh gặp khổ nặng trong thế gian?

Giải thích: Đây là thành lập vấn nạn tiếp theo. Nếu Bồ-tát có ba đức như vậy đều vì cứu vớt tất cả chúng sinh thì tại sao chúng sinh gặp khổ nạn trong thế gian? Nếu thấy khổ mà không cứu thì không có năng lực. Nếu không có cao vượt thì cũng không có Bồ-tát. Khổ nạn có hai thứ, là nội và ngoại. Nội ngoại hai thứ khổ này có nhẹ và nặng. Nếu có thể đối trị được là nhẹ, nếu không thể đối trị được là nặng.

Luận nói: Do Bồ-tát thấy chúng sinh kia có nghiệp, có thể chiêu cảm khổ báo chướng hoặc quả an vui thù thắng.

Giải thích: Bồ-tát thấy có chúng sinh có nghiệp chướng, cản ngại năng lực cao vượt của Bồ-tát có thể chiêu cảm khổ báo. Đối với chúng sinh kia Bồ-tát có nghiệp trí này, tuy ôm giữ khả năng thù thắng nhưng

bỏ mà không dùng. Đây là nghiệp lực của Bồ-tát. Ví như dòng sông có tám thứ công đức trong nước, tùy chúng sinh uống mà không có người nào ngăn giữ. Ngạ quỷ do nghiệp chướng cho nên không thể được uống. Bồ-tát ví như dòng sông, tài vật ví như nước, chúng sinh có nghiệp chướng cũng như ngạ quỷ do nghiệp chướng mà không thể được thọ dụng tài vật của Bồ-tát.

Luận nói: Do Bồ-tát thấy như vậy, nếu thí cho kia dụng cụ vui thích thì chướng ngại sinh thiện.

Giải thích: Bồ-tát thấy có chúng sinh không có nghiệp chướng, nếu bần cùng thì có thể sinh trưởng thiện pháp, nếu phú lạc thì phóng dật tạo tội. Bồ-tát nguyện chúng sinh kia đối với đời hiện tại thọ khổ bần cùng, tùy thuận thành tựu sinh khởi thiện pháp, cho nên Bồ-tát không thí cho chúng sinh đó khí cụ an vui. Đây là xứ lực và phi xứ lực của Bồ-tát.

Luận nói: Do Bồ-tát thấy chúng sinh kia không có sự an vui mà có thể hiện tiền chán ghét sinh tử.

Giải thích: Bồ-tát thấy có chúng sinh do bần cùng khổ, hằng hiện diện tâm chán ghét sinh tử, Bồ-tát nguyện chúng sinh kia không có sự an vui, thành tựu tâm chán ghét tùy thuận thiện hạnh, không thí cho sự an vui. Đây là căn lực, dục lực và tánh lực của Bồ-tát.

Luận nói: Do Bồ-tát thấy, nếu thí cho chúng sinh kia sự an vui, thì đó là nhân duyên sinh trưởng của ác pháp.

Giải thích: Bồ-tát thấy có chúng sinh cho đến hằng chịu báo bần cùng, trong lúc đó không tăng trưởng ác pháp, thì Bồ-tát muốn rằng họ hằng chịu bần cùng báo, không mong họ trong một sát-na được giàu vui báo mà tạo tác các nhân duyên ác pháp, là tự thương mình ghét người, hai nhân duyên này có thể sinh trưởng ác pháp, Bồ-tát nếu cho chúng sinh kia tài vật thì thành tựu ưa ghét của chúng sinh kia, cho nên Bồ-tát không thí cho chúng sinh đó tài vật an vui. Đây là trí lực hành đạo biến khắp của Bồ-tát.

Luận nói: Do Bồ-tát thấy, nếu thí cho chúng sinh kia sự an vui, thì đó là nhân duyên bức hại vô lượng chúng sinh khác.

Giải thích: Bồ-tát thấy có chúng sinh, nếu được an vui giàu có lớn mà không những chỉ tự tổn hại mình mà còn tổn não vô lượng chúng sinh khác, Bồ-tát mong chúng sinh đó thọ bần cùng khổ, không mong chúng sinh đó do an vui giàu có lớn mà tổn não thân tâm và lấy thiện căn của chúng sinh khác, cho nên Bồ-tát không thí cho chúng sinh đó sự yêu thích. Đây là trí lực hành đạo biến khắp của Bồ-tát.

Luận nói: Do đó Bồ-tát không phải không có khả năng thù thắng như vậy, thế gian cũng có chúng sinh hiển hiện như vậy.

Giải thích: Khả năng cao vượt này có ba thứ, tức là ba đức: 1. Năng đắc nhân: Là ba thứ học xứ. 2. Năng đắc quả là mười thứ tự tại. 3. Năng lợi tha, là biết rõ căn dục tánh của chúng sinh. Nếu thấy thí có lợi ích thì thí. Nếu thấy không thí có lợi ích thì không thí. Bồ-tát lấy lợi ích làm định, không lấy thí và không thí làm định. Do thí không có lợi ích cho nên thế gian có chúng sinh thọ khổ.

Luận nói: Trong đây nói kệ.

Giải thích: Để nhiếp năm nghĩa trước cho nên trùng thuyết kệ.

Luận nói:

*Thấy nghiệp chướng ngại thiện
Chán hiện và ghét thêm,
Làm hại chúng sinh kia,
Không cảm Bồ-tát thí.*

Giải thích: Có chúng sinh có nghiệp chướng, không cảm bố thí của Bồ-tát. Có chúng sinh có sự yêu thích thì chướng ngại thiện. Có chúng sinh do bản cùng, tâm chán ghét sinh tử hằng hiện diện. Có chúng sinh có sự yêu thích thì sinh trưởng ác pháp. Có chúng sinh do được an vui giàu có lớn có thể bức hại người khác. Bồ-tát thấy các sự như vậy, muốn khiến cho lìa sự tổn hại mình và người, nên không thí cho những chúng sinh đó sự yêu thích, cho nên chúng sinh đó không cảm được bố thí của Bồ-tát.

